

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 8 - 2018  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Chiên và bà Quán Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 05/3/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh T được 02 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống, ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô sát. Từ tháng 02/2018 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 27/10/2010 và Nguyễn Thị Ng1, sinh ngày 21/9/2012, hiện cháu Ng1 đang ở cùng chị, cháu Ng đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ng1, anh T nuôi dưỡng cháu Ng, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T:* Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ mà anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh T, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng1, anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T; anh T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn T, mặc dù anh T có mặt tại địa phương và biết việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng anh T cố tình gây khó khăn, không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, từ tháng 02/2018 anh chị sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, mặc dù anh T biết việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng không hợp tác và không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình anh T, thể hiện: Do chị H không khéo léo, tế nhị dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, từ tháng 02/2018 chị H bỏ về nhà bố mẹ để chị ở. Do vậy, hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung, hiện cháu Nguyễn Thị Kim Ng đang ở với anh T, cháu Nguyễn Thị Ng1 đang ở với chị. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Ng, chị tiếp tục nuôi cháu Ng1, chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị H là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T
2. Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ng1, sinh ngày 21/9/2012, anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 27/10/2010. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.
3. Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0003032 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã B, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu**





